

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính riêng riêng đã được kiểm toán	6 – 40
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 40

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.HOME (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.HOME trước đây là Công ty TNHH MTV G.Home, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 11 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Việp	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Trung	Ủy viên

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2016
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 5 năm 2017


Nguyễn Hách

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home, được lập ngày 22 tháng 5 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Texnam (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến từ chối đối với báo cáo tài chính này tại ngày 18 tháng 4 năm 2017 do tầm quan trọng của các vấn đề sau:
 - Trong năm 2016, Công ty đã ứng trước cho người bán với số tiền là 9.000.000.000 đồng (chi tiết xem thuyết minh V.02), trong đó chỉ ứng trước bằng tiền mặt với số tiền 7.200.000.000 đồng và tạm ứng bằng tiền gửi ngân hàng là 1.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này bên nhà thầu chưa thực hiện được khối lượng công việc nào như các điều khoản trong hợp đồng. Bảng các thủ tục kiểm toán và các tài liệu hiện có chúng tôi không xác định được tính có thật của khoản ứng trước cho người bán nêu trên.
 - Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang theo dõi tạm ứng bằng tiền mặt cho Ông Nguyễn Long Thành với số tiền 3.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp về hồ sơ tạm ứng, mục đích tạm ứng và thời hạn hoàn ứng cũng như các hồ sơ liên quan đến việc Ông Nguyễn Long Thành là cán bộ công nhân viên đã và đang làm việc tại Công ty. Do vậy, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về tính có thật của khoản tạm ứng nêu trên.

Như vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng khoản ứng trước cho người bán và tạm ứng cho cán bộ công nhân viên với số tiền là 12.500.000.000 đồng, với các thủ tục kiểm toán và hồ sơ hiện có kiểm toán viên không thể khẳng định được tính có thật, đúng đắn và đầy đủ của các số dư nêu trên.

- Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Golden Vtec (Công ty liên kết) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến từ chối đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 4 năm 2017 do tầm quan trọng của các vấn đề sau:
 - Kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm. Bảng các thủ tục kiểm toán thay thế kiểm toán viên cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 với giá trị hàng tồn kho là 3.914.405.601 đồng. Do vậy, kiểm toán viên không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với hàng tồn kho đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Trong tháng 4 năm 2016, Công ty nhận vốn vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home với số tiền là 25.000.000.000 đồng qua chuyển khoản Ngân hàng với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, đầu tư máy móc thiết bị. Tuy nhiên, Công ty không sử dụng nguồn vốn vay theo mục đích nêu trên. Đến thời điểm tháng 6 năm 2016, theo biên bản họp Hội đồng thành viên số 01/2016/BB-HĐTV của Công ty TNHH Golden Vtec, Công ty tiếp nhận bổ sung thành viên mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.home góp vốn bằng hình thức chuyển đổi nợ vay thành vốn góp với số tiền 15.680.000.000 đồng, việc tăng vốn không có mục đích rõ ràng. Sau khi tăng vốn điều lệ số dư tiền mặt tồn quỹ dao động từ 26.000.000.000 đồng đến 27.000.000.000 đồng. Ngày 01 tháng 12 năm 2016, Hội đồng thành viên họp thông qua phương án cho các cá nhân vay theo Biên bản số 02/2016/BB-HĐTV với mục đích tiêu dùng cá nhân bằng tiền mặt với số tiền là 26.000.000.000 đồng, khoản vay trên được đảm bảo bằng đất và tài sản trên đất của các đối tượng vay. Với thực trạng như trên, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của các nghiệp vụ cho vay và góp vốn nêu trên.
- Trong năm, Công ty bán hàng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Everhome và Công ty Cổ Phần May và Xuất Nhập Khẩu Sơn Tây theo Hợp đồng số 1610001/GV-EVH ngày 05 tháng 10 năm 2016 và Hợp đồng số 1607001/GV-ST ngày 05 tháng 7 năm 2016 với giá trị hợp đồng đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng lần lượt là 5.796.450.000 đồng (Giá vốn là 5.195.386.550 đồng) và 14.100.900.000 đồng (Giá vốn là 12.943.458.178 đồng), thời hạn thanh toán chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày xuất hàng. Đến thời điểm phát hành báo cáo ngày 20 tháng 4 năm 2017, khoản công nợ phải thu nêu trên với số dư là 19.897.350.000 đồng chưa được thu hồi. Với thực tế hồ sơ nêu trên, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của các nghiệp vụ kinh tế nêu trên và ảnh hưởng các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Như vậy, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty con và Công ty liên kết đang được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 35.139.109.465 đồng (chi tiết xem thuyết minh V.02) và khoản trả trước cho người bán ngắn hạn cho Công ty TNHH Golden Vtec với số tiền là 7.967.000.000 đồng, chiếm hơn 29,94% vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016, do tầm quan trọng của các vấn đề mà kiểm toán viên từ chối đưa ra ý kiến, chúng tôi không thể khẳng định được tính có thật, đúng đắn và đầy đủ của các khoản đầu tư, góp vốn và sử dụng vốn như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư dệt may G.Home đã thông qua cũng như khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nêu trên.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang theo dõi tạm ứng bằng tiền mặt cho cán bộ nhân viên với số tiền 11.500.000.000 đồng (chi tiết xem thuyết minh số V.06). Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp về hồ sơ tạm ứng, mục đích tạm ứng và thời hạn hoàn ứng. Do vậy, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về tính có thật của khoản tạm ứng nêu trên.
- Trong năm, Công ty đang cho các cá nhân vay bằng tiền mặt với mục đích vay là "Phục vụ mục đích cá nhân" với tổng số tiền là 8.000.000.000 đồng, các khoản cho vay có tài sản đảm bảo là bất động sản và cổ phiếu cá nhân nắm giữ của Công ty (chi tiết xem thuyết minh số V.05). Với thực trạng như trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của các nghiệp vụ cho vay nêu trên.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2920-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.936.935.908	194.437.786.357
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.853.459.450	816.948.157
1.	Tiền	111	V.01	3.853.459.450	816.948.157
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6.000.000.000	3.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.000.000.000	3.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.694.598.598	101.845.563.268
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	116.702.119.963	84.524.360.890
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	31.417.268.957	9.068.552.295
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	8.000.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	14.575.209.678	8.252.650.083
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	127.878.259.066	85.924.731.170
1.	Hàng tồn kho	141		127.878.259.066	85.924.731.170
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		510.618.794	2.850.543.762
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	295.398.883	373.007.822
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.219.911	2.477.535.940
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.047.858.333	128.554.336.250
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.349.399.400	2.332.845.400
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	2.349.399.400	2.332.845.400
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		96.142.805.490	98.818.143.733
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	75.946.722.935	75.806.707.880
	- Nguyên giá	222		119.266.904.617	107.892.339.917
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(43.320.181.682)	(32.085.632.037)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	20.196.082.555	23.011.435.853
	- Nguyên giá	225		23.652.466.363	23.652.466.363
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(3.456.383.808)	(641.030.510)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
	- Nguyên giá	228		48.554.000	48.554.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(48.554.000)	(48.554.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	5.332.962.900	4.679.475.464
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.332.962.900	4.679.475.464
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	35.012.979.763	18.279.238.556
1.	Đầu tư vào công ty con	251		19.459.109.465	18.279.238.556
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.680.000.000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(126.129.702)	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.209.710.780	4.444.633.097
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.209.710.780	4.444.633.097
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		450.984.794.241	322.992.122.607

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		289.604.374.389	216.526.391.525
I.	Nợ ngắn hạn	310		262.170.387.479	172.940.329.771
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	35.427.631.172	22.595.485.838
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.245.870.096	4.124.307.666
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	10.247.447.955	6.611.489.120
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.005.691.162	274.057.103
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	-	650.465.472
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.665.323.488	718.086.894
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	207.883.303.840	137.677.466.116
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		695.119.766	288.971.562
II.	Nợ dài hạn	330		27.433.986.910	43.586.061.754
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	27.433.986.910	43.586.061.754
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	161.380.419.852	106.465.731.082
I.	Vốn chủ sở hữu	410		161.380.419.852	106.465.731.082
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	96.000.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.394.393.020	461.695.416
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.986.026.832	10.004.035.666
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.619.814.858	3.143.114.189
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.366.211.974	6.860.921.477
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		450.984.794.241	322.992.122.607

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Thị Hương Huyền



Nguyễn Hách

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	351.044.293.827	300.889.946.016
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		351.044.293.827	300.889.946.016
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	312.153.714.783	265.670.562.195
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.890.579.044	35.219.383.821
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.044.963.134	1.452.711.100
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	15.988.358.806	14.072.433.422
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.601.179.213	13.143.853.786
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	3.744.035.062	2.830.828.122
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	4.614.497.720	4.349.629.306
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.588.650.590	15.419.204.071
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	32.115.290	11.603.149
12.	Chi phí khác	32	VI.06	69.682.874	372.082.082
13.	Lợi nhuận khác	40		(37.567.584)	(360.478.933)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.551.083.006	15.058.725.138
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	3.184.871.032	3.398.363.296
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.366.211.974	11.660.361.842
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		Không áp dụng	Không áp dụng

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Hách

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		435.467.919.702	307.947.723.093
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(473.044.044.555)	(277.065.381.481)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.574.128.331)	(15.454.008.483)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(14.232.326.189)	(13.129.210.021)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(546.420.841)	(325.783.232)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		408.849.867	4.194.053.962
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.622.232.336)	(13.840.120.602)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68.142.382.683)	(7.672.726.764)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.418.946.881)	(11.793.601.236)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(55.680.000.000)	(3.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		29.000.000.000	12.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.100.000.000)	(11.800.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	13.160.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		880.591.984	1.309.968.559
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.318.354.897)	(123.632.677)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		48.000.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		320.991.311.189	224.632.774.858
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(264.211.688.052)	(203.814.811.358)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.262.773.708)	(8.039.582.776)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.088.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		101.516.849.429	7.690.380.724
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.056.111.849	(105.978.717)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		816.948.157	922.926.874
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(19.600.556)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		3.853.459.450	816.948.157

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương Huyền

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 5 năm 2017

Tổng Giám đốc



 Nguyễn Hách

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất dệt;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 01 Công ty con và 01 Công ty liên kết là:

- Công ty con:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Texnam	Cụm Công nghiệp Lâm Thao, xã Hợp Hòa, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Công ty liên kết:

<i>Tên Công ty liên kết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty TNHH Golden Vtec	KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm
- Tài sản cố định thuê tài chính	04 – 10 năm

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	2.533.875.327	736.383.724
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.319.584.123	80.564.433
Cộng	<u>3.853.459.450</u>	<u>816.948.157</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**02. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam. Lãi suất tiền gửi trong năm là từ 5,54%/năm – 7%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	% sở hữu	% quyền biểu quyết	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòn g</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
- Đầu tư vào công ty con			19.459.109.465	-	19.459.109.465			18.279.238.556	-	18.279.238.556
+ Công ty Cổ phần Texnam(!)	54	54	19.459.109.465	-	19.459.109.465	51	51	18.279.238.556		18.279.238.556
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			15.680.000.000	126.129.702	15.553.870.298			-	-	-
+ Công ty TNHH Golden Vtec(!)	49	49	15.680.000.000	126.129.702	15.553.870.298			-	-	-
Cộng			35.139.109.465	126.129.702	35.012.979.763			18.279.238.556	-	18.279.238.556

(!): Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600943070 ngày 28 tháng 07 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Texnam, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Texnam số tiền 34.200.000.000 VND, tương đương 95,00% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 1.179.870.909 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 19.459.109.465 VND, tương đương 54% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Texnam là 14.740.890.535 VND.

(!!): Trong năm Công ty đã chuyển từ khoản vay thành khoản vốn góp cho Công ty TNHH Golden Vtec, số tiền là: 15.680.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, công ty liên kết trong năm:

	Năm nay
Góp vốn đầu tư	
Công ty Cổ phần Texnam	
- Chuyển khoản phải thu thành vốn góp	79.870.909
- Góp vốn bằng tiền	1.100.000.000
Công ty TNHH Golden Vtec	
- Cho vay	25.000.000.000
- Chuyển khoản cho vay thành vốn góp	15.680.000.000

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	116.702.119.963	84.524.360.890
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Lan Vinh	17.908.020.416	7.669.719.713
- Công ty Cổ phần May và XNK Sơn Tây	-	5.490.422.550
- Công ty Cổ phần Việt Đức Hà Nội	15.664.002.600	16.061.691.600
- Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	18.310.892.850	-
- Công ty TNHH thương mại và công nghệ Việt Phúc Nam	10.751.001.250	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	54.068.202.847	55.302.527.027
Cộng	116.702.119.963	84.524.360.890

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	18.591.392.850	-
- Công ty TNHH MTV Đệm và Nội Thất G.Home	18.310.892.850	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	280.500.000	-
Cộng	18.591.392.850	-

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31.417.268.957	9.068.552.295
- Công ty Cổ phần May và Xuất nhập khẩu Sơn Tây	4.272.150.874	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	9.170.614.696	5.486.756.446
- Công ty TNHH Golden Vtec	7.967.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Đệm và Nội thất G.Home	8.725.754.885	1.998.754.885
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.281.748.502	1.583.040.964
Cộng	31.417.268.957	9.068.552.295

Đơn vị tính: VND

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	25.863.369.581	7.485.511.331
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	9.170.614.696	5.486.756.446
- Công ty TNHH Golden Vtec	7.967.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dệm và Nội thất G.Home	8.725.754.885	1.998.754.885
Cộng	25.863.369.581	7.485.511.331

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	8.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Bá Minh (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Lê Thị Phụng (*)	3.000.000.000	-	-	-
Cộng	8.000.000.000	-	-	-

(*) Khoản cho vay ngắn hạn đối với các cá nhân theo các hợp đồng cho vay năm 2016 với thời hạn từ 01 đến 03 tháng. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Đây là các khoản cho vay có tài sản đảm bảo là bất động sản và cổ phiếu cá nhân nắm giữ của Công ty.

06. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	14.575.209.678	-	8.252.650.083	-
- Tạm ứng (*)	12.283.961.678	-	6.539.802.889	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	408.290.455	-
- Phải thu khác	2.291.248.000	-	1.304.556.739	-
+ Lãi dự thu	50.263.611	-	-	-
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	2.027.886.515	-	1.304.556.739	-
+ Các khoản phải thu khác	213.097.874	-	-	-
b. Dài hạn	2.349.399.400	-	2.332.845.400	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.349.399.400	-	2.332.845.400	-
Cộng	16.924.609.078	-	10.585.495.483	-

(*) Số dư phải thu về tạm ứng chưa có hồ sơ:

	Số tiền
Bùi Thị Lan Hương	3.800.000.000
Lê Thu Hà	3.000.000.000
Nguyễn Quốc Hùng	400.000.000
Nguyễn Thị Loan	700.000.000
Nguyễn Tiến Quyền	3.500.000.000
Nguyễn Văn Đăng	100.000.000
Cộng	11.500.000.000

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	95.467.622.595	-	48.492.937.938	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.025.680.910	-
- Thành phẩm	14.755.392.895	-	3.921.011.345	-
- Hàng hoá	3.427.802.914	-	13.519.964.253	-
- Hàng gửi bán	14.227.440.662	-	18.965.136.724	-
Cộng	127.878.259.066	-	85.924.731.170	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	5.332.962.900	4.679.475.464
+ Công trình Nhà điều hành	5.332.962.900	4.679.475.464
Cộng	5.332.962.900	4.679.475.464

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	28.138.251.816	75.977.286.285	3.776.801.816	107.892.339.917
- Mua trong năm	-	11.374.564.700	-	11.374.564.700
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	28.138.251.816	87.351.850.985	3.776.801.816	119.266.904.617
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.844.367.487	26.923.253.949	1.318.010.601	32.085.632.037
- Khấu hao trong năm	1.230.293.144	9.464.713.377	539.543.124	11.234.549.645
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.074.660.631	36.387.967.326	1.857.553.725	43.320.181.682
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	24.293.884.329	49.054.032.336	2.458.791.215	75.806.707.880
2. Tại ngày cuối năm	23.063.591.185	50.963.883.659	1.919.248.091	75.946.722.935

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 251.537.673 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 113.019.554.235 VND và 71.530.056.421 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
Số dư đầu năm	23.652.466.363	23.652.466.363
- Thuê tài chính trong năm		-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính		-
Số dư cuối năm	23.652.466.363	23.652.466.363
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	641.030.510	641.030.510
- Khấu hao trong năm	2.815.353.298	2.815.353.298
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
Số dư cuối năm	3.456.383.808	3.456.383.808
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
1. Tại ngày đầu năm	23.011.435.853	23.011.435.853
2. Tại ngày cuối năm	20.196.082.555	20.196.082.555

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	48.554.000	48.554.000
- Mua trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	48.554.000	48.554.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	48.554.000	48.554.000
- Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	48.554.000	48.554.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	295.398.883	373.007.822
- Chi phí bảo hiểm, bảo trì đường bộ	271.091.731	185.935.884
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.307.152	187.071.938
b. Dài hạn	3.209.710.780	4.444.633.097
- Chi phí giải phóng mặt bằng	2.337.744.098	2.393.404.670
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	687.636.576	2.051.228.427
- Chi phí trả trước khác	184.330.106	-
Cộng	3.505.109.663	4.817.640.919

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Vay ngắn hạn	137.677.466.116	137.677.466.116	329.317.292.830	259.111.455.106	207.883.303.840	207.883.303.840
- <i>Vay ngân hàng</i>	119.901.013.041	119.901.013.041	313.175.397.835	241.379.818.997	191.696.591.879	191.696.591.879
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công ^(a)	47.508.549.991	47.508.549.991	108.669.132.291	96.648.519.951	59.529.162.331	59.529.162.331
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (USD)	-	-	32.541.757.281	857.052	32.540.900.229	32.540.900.229
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Đồng Đa ^(b)	22.416.320.676	22.416.320.676	72.098.496.851	44.840.320.676	49.674.496.851	49.674.496.851
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(c)	49.976.142.374	49.976.142.374	99.866.011.412	99.890.121.318	49.952.032.468	49.952.032.468
- <i>Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả</i>	14.443.906.200	14.443.906.200	12.705.399.800	14.444.828.000	12.704.478.000	12.704.478.000
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (VND) ^(d)	1.702.735.000	1.702.735.000	1.552.354.000	1.702.735.000	1.552.354.000	1.552.354.000
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD) ^(e)	1.510.411.200	1.510.411.200	764.842.600	1.511.333.000	763.920.800	763.920.800
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(f)	11.092.760.000	11.092.760.000	10.250.203.200	11.092.760.000	10.250.203.200	10.250.203.200
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Đồng Đa ^(g)	138.000.000	138.000.000	138.000.000	138.000.000	138.000.000	138.000.000
- <i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	3.332.546.875	3.332.546.875	3.436.495.195	3.286.808.109	3.482.233.961	3.482.233.961
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND)	2.589.013.358	2.589.013.358	2.760.246.761	2.589.013.358	2.760.246.761	2.760.246.761
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)	743.533.517	743.533.517	676.248.434	697.794.751	721.987.200	721.987.200
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	43.586.061.754	43.586.061.754	12.157.678.326	28.309.753.170	27.433.986.910	27.433.986.910
b.1. Vay dài hạn	29.220.800.434	29.220.800.434	12.150.517.000	24.903.684.553	16.467.632.881	16.467.632.881
Từ 1 năm đến 5 năm	29.220.800.434	29.220.800.434	12.150.517.000	24.903.684.553	16.467.632.881	16.467.632.881
- <i>Vay ngân hàng</i>	29.220.800.434	29.220.800.434	12.150.517.000	24.903.684.553	16.467.632.881	16.467.632.881

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (VND) ^(d)	4.133.142.500	4.133.142.500	-	1.552.354.000	2.580.788.500	2.580.788.500
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thành Công (USD) ^(e)	755.205.600	755.205.600	18.017.000	773.222.600	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Hội sở chính ^(f)	24.000.952.334	24.000.952.334	12.132.500.000	22.440.107.953	13.693.344.381	13.693.344.381
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Đồng Đa ^(g)	331.500.000	331.500.000	-	138.000.000	193.500.000	193.500.000
b.2. Nợ thuê tài chính	14.365.261.320	14.365.261.320	7.161.326	3.406.068.617	10.966.354.029	10.966.354.029
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VND) ^(h)	12.635.181.081	12.635.181.081	-	2.760.246.761	9.874.934.320	9.874.934.320
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD) ^(k)	1.730.080.239	1.730.080.239	7.161.326	645.821.856	1.091.419.709	1.091.419.709
Cộng	181.263.527.870	181.263.527.870	341.474.971.156	287.421.208.276	235.317.290.750	235.317.290.750
Chi tiết số dư vay ngoại tệ						
			Số cuối năm	Số đầu năm		
a. Vay ngắn hạn						
- Vay ngân hàng ngắn hạn						
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)			1.427.858,72	-		
- Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả						
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)			33.520,00	67.040,00		
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả						
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)			31.680,00	32.987,29		
b. Vay dài hạn						
- Vay ngân hàng						
+ Ngân hàng TMCP QĐ - CN Thành Công (USD)			-	33.520,00		
- Nợ thuê tài chính						
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (USD)			47.890,00	76.756,00		
Cộng			1.540.949,72	210.303,29		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 48425.16.058.946980.TD ngày 19 tháng 8 năm 2016 với giá trị hạn mức tín dụng bao gồm dư nợ, LC, bảo lãnh thanh toán: 90.000.000.000 đồng (trong đó dư nợ tối đa 60.000.000.000 đồng). Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh chăn, ga gối đệm, bông xơ của khách hàng. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 03 bất động sản của bên thứ ba, hàng tồn kho và một số máy móc thiết bị của Công ty.
- (b): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐHMTD.80/2016/PVBĐĐ – G.HOME ngày 14 tháng 7 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bông tấm và chăn ga gối đệm; lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là căn hộ chung cư theo giấy CN quyền sử dụng đất số 620QĐ-UBND.2008/2539 của bên thứ ba, hàng tồn kho luân chuyển đối với các mặt hàng xơ nguyên liệu và bông thành phẩm (loại trừ hàng hóa đã thế chấp cho MB), quyền đòi nợ hình thành từ 05 đối tác trong nước và 2,67 triệu cổ phiếu G20 của bên thứ ba.
- (c): Là khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 160042/HĐTDK/VCB-DMGH ngày 04 tháng 5 năm 2016 với hạn mức 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 09 tháng; lãi suất vay là 7%/năm.
- (d): Là khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05 tháng 10 năm 2012 để thanh toán một phần tiền mua máy móc, thiết bị của BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 1 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB; lãi suất từ 8,9%/năm - 14%/năm.
- (e): Là khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16 tháng 5 năm 2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất; lãi suất 9%/năm. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 33.520 USD.
- (f): Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24 tháng 5 năm 2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOME-KH ngày 20 tháng 9 năm 2013 và số 01.2013/MTV/GHOME-KH ngày 11 tháng 3 năm 2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tấm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô; lãi suất từ 7,68%/năm đến 10%/năm.
- (g): Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HĐCV-TCKT-02/2015/PVCOMBANK-GHOME ngày 14 tháng 5 năm 2015 để thanh toán một phần mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất theo quy định của PVCOMBANK tại thời điểm giải ngân và có sự điều chỉnh 03 tháng một lần. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ khoản vay.
- (h): Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00126-000 ngày 31 tháng 7 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 60 tháng. Lãi suất thuê là 8,5%/năm tính trên số dư gốc thuê (Lãi suất có thể điều chỉnh được trong suốt thời gian thuê).
- (k): Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00029-000 ngày 26 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê 48 tháng. Lãi suất thuê là 4,66%/năm tính trên gốc thuê theo nguyên tệ (USD).

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Năm nay		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	4.515.626.590	1.252.852.882	3.262.773.708
Trên 5 năm	-	-	-
Cộng	4.515.626.590	1.252.852.882	3.262.773.708

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	35.427.631.172	35.427.631.172	22.595.485.838	22.595.485.838
- B&P Co.,Ltd	-	-	3.920.220.000	3.920.220.000
- Công ty Cổ phần Melio Việt Nam	54.422.910	54.422.910	2.217.419.490	2.217.419.490
- Công ty Cổ phần Shinhhan Vina	2.193.410.997	2.193.410.997	2.198.546.097	2.198.546.097
- Guangxi Candently Import And Export Co., LTD	3.304.550.000	3.304.550.000	3.266.850.000	3.266.850.000
- Công ty CP XNK đầu tư thương mại Box	5.778.000.000	5.778.000.000	-	-
- Công ty TNHH đầu tư thương mại Đức Hà	4.586.010.000	4.586.010.000	-	-
- Iwon International INC	4.097.072.250	4.097.072.250	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	15.414.165.015	15.414.165.015	10.992.450.251	10.992.450.251
Cộng	35.427.631.172	35.427.631.172	22.595.485.838	22.595.485.838

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.245.870.096	2.245.870.096	4.124.307.666	4.124.307.666
- Công ty Cổ phần Quốc tế Everhome	-	-	3.238.796.905	3.238.796.905
- Công ty TNHH HAIVINA Kim Liên	1.289.180.000	1.289.180.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	956.690.096	956.690.096	885.510.761	885.510.761
Cộng	2.245.870.096	2.245.870.096	4.124.307.666	4.124.307.666

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.627.036.739	1.442.070.619	718.740.843	-	2.350.366.515
- Thuế xuất nhập khẩu	-	144.203.985	(109.271.745)	10.375.834	-	24.556.406
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.677.109.607	3.184.871.032	592.841.682	-	7.269.138.957
- Thuế thu nhập cá nhân	-	163.138.789	43.200.000		-	206.338.789
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	408.271.288	11.224.000	-	397.047.288
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	6.611.489.120	4.972.141.194	1.336.182.359	-	10.247.447.955

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.005.691.162	274.057.103
- Chi phí lãi vay	1.005.691.162	274.057.103
Cộng	1.005.691.162	274.057.103

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.665.323.488	718.086.894
- Bảo hiểm xã hội	345.323.488	718.086.894
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.320.000.000	-
Cộng	4.665.323.488	718.086.894

19. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	-	650.465.472
- Doanh thu nhận trước	-	650.465.472
Cộng	-	650.465.472

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	96.000.000.000	-	4.297.352.729	100.297.352.729
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	11.660.361.842	11.660.361.842
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	461.695.416	(5.953.678.905)	(5.491.983.489)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	96.000.000.000	461.695.416	10.004.035.666	106.465.731.082
Số dư đầu năm nay	96.000.000.000	461.695.416	10.004.035.666	106.465.731.082
Tăng vốn trong năm nay	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	12.366.211.974	12.366.211.974
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	932.697.604	(6.384.220.808)	(5.451.523.204)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	144.000.000.000	1.394.393.020	15.986.026.832	161.380.419.852

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-DHĐCĐ của Công ty Cổ phần đầu tư Dệt may G.Home ngày 28 tháng 4 năm 2016.

	Số tiền
	VND
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	932.697.604
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	582.936.003
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	116.587.201
- Trích cổ tức chi trả	4.320.000.000
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	432.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	6.384.220.808

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác:	144.000.000.000	100	96.000.000.000	100
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	36.000.000.000	25	36.000.000.000	37,5
+ Bà Trần Thị Kiều Nga	26.700.000.000	18,54	26.700.000.000	27,81
+ Các đối tượng khác	81.300.000.000	56,46	33.300.000.000	34,69
Cộng	144.000.000.000	100	96.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	96.000.000.000	96.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	48.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	144.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.320.000.000	288.559.635
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	4.799.440.365

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.400.000	9.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	14.400.000	9.600.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.394.393.020	461.695.416
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	1.394.393.020	461.695.416

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại		Số cuối năm	Số đầu năm
-	USD	2.646,22	1.556,81

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	89.679.148.223	119.250.805.594
Doanh thu bán thành phẩm	258.434.680.132	169.363.382.034
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.930.465.472	12.275.758.388
Cộng	351.044.293.827	300.889.946.016

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	7.520.357.500	789.000.000
+ Bán hàng hóa	6.500.357.500	-
+ Cho thuê tài sản	1.020.000.000	789.000.000
- Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.Home	21.903.923.500	-
+ Bán hàng	21.903.923.500	-
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn G.Home - Chi nhánh Đà Nẵng	424.658.445	-
Cộng	29.848.939.445	789.000.000

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	83.079.741.278	115.514.571.335
Giá vốn của thành phẩm đã bán	226.996.920.853	138.478.103.395
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.077.052.652	11.677.887.465
Cộng	312.153.714.783	265.670.562.195

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	930.855.595	1.003.302.559
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	35.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	114.107.539	414.408.541
Cộng	1.044.963.134	1.452.711.100

Đơn vị tính: VND

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	13.601.179.213	13.143.853.786
- Lãi tiền thuê tài chính	1.362.781.035	158.991.789
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	898.268.856	665.687.011
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	129.280.185	443.775.014
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	768.988.671	221.911.997
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	126.129.702	-
- Chi phí tài chính khác	-	103.900.836
Cộng	15.988.358.806	14.072.433.422

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	32.115.290	11.603.149
Cộng	32.115.290	11.603.149

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế GTGT không được hoàn	-	215.434.762
- Các khoản bị phạt chậm nộp thuế	31.679.423	45.665.079
- Các khoản bị phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	23.355.194	36.817.355
- Các khoản khác	14.648.257	74.164.886
Cộng	69.682.874	372.082.082

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.614.497.720	4.349.629.306
- Chi phí nhân viên quản lý	1.576.103.636	2.071.966.628
- Chi phí vật liệu quản lý	117.498.455	264.864.145
- Chi phí đồ dùng văn phòng	40.469.850	31.399.844
- Chi phí khấu hao TSCĐ	138.254.136	133.954.178
- Thuế, phí và lệ phí	212.200.734	47.512.269
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.565.641	1.242.655.250
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.004.405.268	557.276.992
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.744.035.062	2.830.828.122
- Chi phí nhân viên	758.321.704	610.047.474
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.094.982.383	1.177.877.004
- Chi phí khấu hao TSCĐ	539.543.124	500.216.004
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.208.704.799	479.018.535
- Các khoản khác bằng tiền	142.483.052	63.669.105
Cộng	8.358.532.782	7.180.457.428

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.138.450.191	3.398.363.296
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	46.420.841	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.184.871.032	3.398.363.296

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.551.083.006	15.058.725.138
Các khoản điều chỉnh tăng	141.167.949	388.380.753
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm và thuế	135.199.752	82.434.434
Chi phí thuế GTGT không được hoàn	-	215.434.762
Chi phí không có hóa đơn chứng từ	-	90.511.557
Các khoản khác	5.968.197	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	15.692.250.955	15.447.105.891
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.138.450.191	3.398.363.296

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	212.978.233.534	103.354.474.504
- Chi phí nhân công	7.995.696.831	16.324.307.260
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.049.902.943	10.845.048.548
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.438.208.885	3.822.268.695
- Chi phí khác bằng tiền	3.041.468.672	4.052.721.602
Cộng	242.503.510.865	138.398.820.609

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm Doanh nghiệp phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Mua tài sản bằng nhận nợ	7.955.617.819
Chuyển nợ thành vốn đầu tư vào Công ty liên kết	15.680.000.000
Chuyển nợ thành vốn đầu tư vào Công ty con	79.870.909

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành		
+Phải thu ngắn hạn khác – Ông Nguyễn Sinh Quyền	-	3.000.454.150
Cộng nợ phải thu	<u>-</u>	<u>3.000.454.150</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	112.151.500	111.000.000
Thù lao	432.000.000	-
Cộng	<u>544.141.500</u>	<u>111.000.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home	Cổ đông sở hữu 37,5% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.Home	Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home
Công ty Cổ phần Texnam	Công ty con
Công ty TNHH Golden Vtec	Công ty liên kết

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục V.02 và VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home		
+ Mua hàng	142.350.000	24.734.462.103
Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.Home		
+ Mua hàng	1.500.000.000	13.260.050.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03 và V.04, không còn công nợ khác với bên liên quan.

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bông, dệt, chần;
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại bông, dệt, ruột chần, ruột gối.
- Lĩnh vực 3: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, máy móc và gia công hàng may mặc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực 1	Lĩnh vực 2	Lĩnh vực 3	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	258.434.680.132	89.679.148.223	2.930.465.472	351.044.293.827
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	244.151.526.504	89.032.543.054	2.271.573.679	335.455.643.237
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	14.283.153.628	646.605.169	658.891.793	15.588.650.590
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	8.373.820.744	2.905.790.784	94.953.172	11.374.564.700
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.048.946.560	4.181.092.352	136.626.485	16.366.665.397
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	293.090.050.303	101.704.872.002	3.323.432.723	398.118.355.028
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	52.866.439.213
Tổng tài sản	293.090.050.303	101.704.872.002	3.323.432.723	450.984.794.241
- Nợ phải trả bộ phận	212.691.595.102	73.805.888.100	2.411.771.421	288.909.254.623
- Nợ phải trả không phân bổ				695.119.766
Tổng nợ phải trả	212.691.595.102	73.805.888.100	2.411.771.421	289.604.374.389

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực 1	Lĩnh vực 2	Lĩnh vực 3	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	169.363.382.034	119.250.805.594	12.275.758.388	300.889.946.016
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	155.368.635.633	118.152.652.946	11.949.453.366	285.470.741.945
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	13.994.746.401	1.098.152.648	326.305.022	15.419.204.071
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	31.125.905.423	818.706.092	84.278.157	32.028.889.672
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.514.718.131	687.149.796	643.180.621	10.845.048.548
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	207.624.358.701	105.566.808.008	9.800.955.898	322.992.122.607
- Tài sản không phân bổ				
Tổng tài sản	207.624.358.701	105.566.808.008	9.800.955.898	322.992.122.607
- Nợ phải trả bộ phận	139.215.652.559	67.220.141.494	10.090.597.472	216.526.391.525
- Nợ phải trả không phân bổ				
Tổng nợ phải trả	139.215.652.559	67.220.141.494	10.090.597.472	216.526.391.525

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Khu vực địa lý:**

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Trong lãnh thổ Việt Nam;
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	333.575.458.565	17.468.835.262	351.044.293.827
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	378.306.997.655	19.811.357.373	398.118.355.028
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	10.808.538.132	566.026.568	11.374.564.700
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	261.000.270.323	39.889.675.693	300.889.946.016
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	280.172.310.271	42.819.812.336	322.992.122.607
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	27.782.745.729	4.246.143.943	32.028.889.672

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.853.459.450	-	816.948.157	-	3.853.459.450	816.948.157
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118.993.367.963	-	95.109.856.373	-	118.993.367.963	95.109.856.373
Phải thu về cho vay	8.000.000.000	-	-	-	8.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.000.000.000	-	3.000.000.000	-	6.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	136.846.827.413	-	98.926.804.530	-	136.846.827.413	98.926.804.530

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	35.427.631.172	22.595.485.838	35.427.631.172	22.595.485.838
Vay và nợ	235.317.290.750	181.263.527.870	235.317.290.750	181.263.527.870
Chi phí phải trả	1.005.691.162	274.057.103	1.005.691.162	274.057.103
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	271.750.613.084	204.133.070.811	271.750.613.084	204.133.070.811

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty liên kết và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	35.427.631.172	-	-	35.427.631.172
Vay và nợ	207.883.303.840	27.433.986.910	-	235.317.290.750
Chi phí phải trả	1.005.691.162	-	-	1.005.691.162
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	244.316.626.174	27.433.986.910	-	271.750.613.084
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	22.595.485.838	-	-	22.595.485.838
Vay và nợ	137.677.466.116	43.586.061.754	-	181.263.527.870
Chi phí phải trả	274.057.103	-	-	274.057.103
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	160.547.009.057	43.586.061.754	-	204.133.070.811

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Thị Hương Huyền

Nguyễn Hách